Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 9006.59.19

Mã HS	9006.59.19
Mô tả hàng hóa	Máy ảnh (trừ máy quay phim); thiết bị đèn chớp và đèn flash máy ảnh trừ đèn phóng điện thuộc nhóm 85.39 / - Máy ảnh loại khác: / - - Loại khác: / - - - Sử dụng phim cuộn khổ rộng dưới 35 mm: / - - - - Loại khác
Đơn vị	chiếc/bộ
Thời điểm tạo	04/11/2026 16:18:07
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/90065919/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	22.5	22,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K17966
Thuế NK ưu đãi (MFN)	15	15%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N17966
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q17966
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	3	3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	10.5	10,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17269
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17198
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17198
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17198
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17198
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17198
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17198
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E17254
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17254

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17254
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17254
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17254
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17254
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17255
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17255
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17255
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17255
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17255
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17255
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17260
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17216
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17212
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17212
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17212
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17212
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17212
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17212
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17258
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17258
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17258
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17258
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17258
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17258
VCFTA	2022	2022	0	VC!D17320
VCFTA	2023	2023	0	VC!E17320

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17320
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17320
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17320
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17320
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D17296
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E17296
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F17296
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17296
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17296
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17296
AHKFTA	2022	2022	9	AKH!D17291
AHKFTA	2023	2023	6	AKH!E17291
AHKFTA	2024	2024	6	AKH!F17291
AHKFTA	2025	2025	3	AKH!G17291
AHKFTA	2026	2026	3	AKH!H17291
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17291
EVFTA	2022	2022	3,7	EV-NK!D17321
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17321
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17321
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17321
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17321
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17321
UKVFTA	2022	2022	3,7	UKV!D17320
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17320
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17320
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17320

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17320
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17320
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17414
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17414
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17414
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17414
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17414
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17414
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17414
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17283
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17283
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17283
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17283
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17283
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17283
RCEP B	2022	2022	0	B!D17283
RCEP B	2023	2023	0	B!E17283
RCEP B	2024	2024	0	B!F17283
RCEP B	2025	2025	0	B!G17283
RCEP B	2026	2026	0	B!H17283
RCEP B	2027	2027	0	B!I17283
RCEP C	2022	2022	0	C!D17281
RCEP C	2023	2023	0	C!E17281
RCEP C	2024	2024	0	C!F17281
RCEP C	2025	2025	0	C!G17281
RCEP C	2026	2026	0	C!H17281

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I17281
RCEP D	2022	2022	0	D!D17280
RCEP D	2023	2023	0	D!E17280
RCEP D	2024	2024	0	D!F17280
RCEP D	2025	2025	0	D!G17280
RCEP D	2026	2026	0	D!H17280
RCEP D	2027	2027	0	D!I17280
RCEP E	2022	2022	0	E!D17284
RCEP E	2023	2023	0	E!E17284
RCEP E	2024	2024	0	E!F17284
RCEP E	2025	2025	0	E!G17284
RCEP E	2026	2026	0	E!H17284
RCEP E	2027	2027	0	E!I17284
RCEP F	2022	2022	0	F!D17283
RCEP F	2023	2023	0	F!E17283
RCEP F	2024	2024	0	F!F17283
RCEP F	2025	2025	0	F!G17283
RCEP F	2026	2026	0	F!H17283
RCEP F	2027	2027	0	F!I17283
VIFTA	2024	2024	13.5	VI!F16208
VIFTA	2025	2025	12	VI!G16208
VIFTA	2026	2026	10.5	VI!H16208
VIFTA	2027	2027	9	VI!I16208

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 9006.59 có 6 dòng thuế; dòng 9006.59.19 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	9006.59.11 Có bộ ngắm qua thấu kính (kính phản chiếu đơn (SLR)); 9006.59.21 Máy vẽ ảnh laser; 9006.59.29 Loại khác; 9006.59.30 Loại khác, máy vẽ ảnh laser hoặc máy tạo dựng ảnh với bộ xử lý ảnh mành; 9006.59.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 9006.59.19 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 9006.59.19	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9006.59.19. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 15% của mã 9006.59.19 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N17966), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.